KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN
QUYỂN 2

Phẩm 3: ĐỐI TRỊ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, cũng như vầng mặt trời chiếu sáng rực rỡ, che khuất cả các tinh cầu khác; cũng như đại long uốn khúc, liệng quanh nơi cõi thanh hư, huy hoàng xán lạn, uy quang chói lọi, sắc tướng khó ví dụ, trông đó thì mắt lóa; nghĩ đó thì ý loạn. Và cũng khác nào như ánh sáng của lửa con đom đóm, khi mặt trời mọc, liền ẩn khuất chẳng hiện; mặt trời, mặt trăng tuy có trăm ngàn ánh sáng, so với ánh sáng của Thiên đế Thích, cũng ví như một điểm mực đen; Thiên đế Thích tuy có ánh sáng thanh tịnh vi diệu, sánh với ánh sáng của vua Đại Phạm vương, cũng như sành sỏi sánh với ánh dạ quang của ngọc báu Ma-ni; Đại Phạm vương, tuy có trăm ngàn ánh sáng thanh tịnh vi diệu, sánh với ánh sáng của Như Lai, cũng khác nào như một điểm mực đen.Vì cớ sao? Vì ánh sáng tỏa tròn đến bảy thước của Đức Như Lai, soi chiếu khắp cả mười phương thế giới, tất cả chúng sinh ở trong đó, người nào gặp ánh được sáng ấy của Phật: người mù thì được trông thấy; người gù thì được ngay thẳng lại; người què quặt thì được tay chân lành lặn; người tà mê thì được thấy rõ con đường chân chánh sáng suốt. Tóm lại mà nói: mọi sự bất như ý, đều được như ý.

Lúc ấy trong chúng hội, có bảy mươi vị Đại Bồ-tát từ tòa ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui về một phía, đồng thanh nói ra trăm ngàn bài kệ, tán thán Đức Như Lai. Các vị Bồ-tát ấy tên là: Bồ-tát Bất Tư Nghị, Bồ-tát Ly Giác Âm, Bồ-tát Duy Niệm An, Bồ-tát Ly Cấu Xưng, Bồ-tát Vô Lượng Âm, Bồ-tát Đại Danh Văn, Bồ-tát Minh Bảo Kế, Bồ-tát Kiên Sư Tử, Bồ-tát Độc Bộ Thệ, Bồ-tát Xả Sở Niệm, Bồ-tát Cập Trí Tích, Bồ-tát Ý Thiện Trụ, Bồ-tát Vô Cực Tướng, Bồ-tát Tuệ Quang Diệu, Bồ-tát Tiêu Cường Ý, Bồ-tát Năng Ủng Hộ, Bồ-tát Chí Thành Anh, Bồ-tát Liên Hoa Giới, Bồ-tát Chúng Chư An, Bồ-tát Thánh Tuệ Nghiệp, Bồ-tát Vô Tư Nghị, Bồ-tát Tướng Công Huân, Bồ-tát Bảo Sự Nghiệp, Bồ-tát Tịnh Phạm Thí, Bồ-tát Xử Thiên Hoa, Bồ-tát Thiện Tư Duy, Bồ-tát Vô Hạn Pháp, Bồ-tát Danh Văn Ý, Bồ-tát Dĩ Biện Tích, Bồ-tát Tự Tại Môn, Bồ-tát Thập Chủng Lực, Bồ-tát Hữu Thập Lực, Bồ-tát Đại Thánh Mẫn, Bồ-tát Vô Sở Việt, Bồ-tát Du Tịch Nhiên, Bồ-tát Tại Ư Bỉ, Bồ-tát Vô Số Thiên, Bồ-tát Tu-di Quang, Bồ-tát Cực Trọng Tạng, Bồ-tát Nhân Siêu Việt, Bồ-tát Nhi Độc Bộ, Bồ-tát Uy Thần Thắng, Bồ-tát Đại Bộ Giới, Bồ-tát Dĩ Sơn Hộ, Bồ-tát Trì Tam Thế, Bồ-tát Hữu Công Huân, Bồ-tát Tuyên Danh Xưng, Bồ-tát Nhật Quang Minh, Bồ-tát Sư Tử Anh, Bồ-tát Thời Tiết Vương, Bồ-tát Sư Tử Tạng, Bồ-tát Thị Hiện Hữu, Bồ-tát Quang Viễn Chiếu, Bồ-tát Sơn Sư Tử, Bồ-tát Hữu Thủ Thí, Bồ-tát Mạc Năng Thắng, Bồ-tát Vi Tối Tràng, Bồ-tát Hỷ Duyệt Xưng, Bồ-tát Kiên Tinh Tấn, Bồ-tát Vô Tổn Giảm, Bồ-tát Hữu Danh Xưng, Bồ-tát Vô Khủng Bố, Bồ-tát Vô Trước Thiên, Bồ-tát Đại Minh Đăng, Bồ-tát Thế Quang Diệu, Bồ-tát Vi Diệu Âm, Bồ-tát Báo Công

Huân, Bồ-tát Trừ Ám Minh, Bồ-tát Vô Đẳng Luân... đều ở trước Phật phát thệ nguyện:

–Tất cả chúng con, sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, xin dốc hộ trì Chánh pháp, lưu truyền ở khắp mười phương thế giới, khiến không đoạn tuyệt. Vì cớ sao? Vì chúng con ngày nay, được trông thấy sắc tướng nơi ánh sáng vi diệu của Đức Như Lai, không thể lấy tâm nghĩ miệng bàn được, ở trong ánh sáng ấy, đều được nghe Phật pháp, thật là chẳng thể nghĩ bàn, sau khi nghe pháp ấy rồi vĩnh viễn xa lìa những phiền não chướng trong nhiều kiếp, thân tâm trong sáng, rực rỡ như thiên kim và tất cả muôn loài cũng được nhờ ánh sáng soi chiếu ấy. Chúng con tự suy nghĩ về những công đức lợi lạc như vậy, nên đối với Đức Như Lai sinh tưởng như bậc Đại sư; sinh tưởng như bậc Đại từ phụ, thường nhớ nghĩ đến ân đức của Phật. Vì cớ sao? Chúng con được nghe Chánh pháp, không bao lâu sẽ được thành Phật, ngồi nơi đạo tràng, chuyển bánh xe chánh pháp, độ thoát cho tất cả chúng sinh, đều khiến cho chúng sinh được nghe chánh pháp, giải thoát sinh tử, chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Đức Thích-ca Như Lai, bảo tất cả đại chúng:

–Bảy mươi vị Bồ-tát Ma-ha-tát ấy, ở đời quá khứ lâu xa trong số vô lượng trăm ngàn vạn ức vi trần a-tăng-kỳ kiếp, đã từng cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vi trần số chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, ở chỗ chư Phật, thường tu phạm hạnh, cúng dường chư Phật, tâm không biết mỏi mệt, theo tâm Từ tu thân, khéo hộ trì Phật pháp, không bỏ tâm đại bi, thường ở trong mười phương, làm những việc lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nếu có chúng sinh nào, tới khi mệnh chung, được nghe tên hiệu của một vị Bồ-tát ấy, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến bảy mươi vị, xưng danh quy mệnh, người ấy sau khi mệnh chung, sẽ được vãng sinh về cõi nước của Phật, hóa sinh trong hoa sen, xa lìa dâm dục, không phải ở trong bào thai nhơ uế bất tịnh, thân thể của người ấy rất là trong sạch thơm tho mầu nhiệm, được mọi người đều cung kính yêu mến; vì được mọi người cung kính yêu mến, mà lòng sinh ra những sự hoan hỷ, vì hoan hỷ liền hay phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đối với tất cả chúng sinh, hay khởi đại bi tâm; sau khi đã phát tâm từ bi rồi, kế sinh tâm làm những việc lợi ích cho chúng sinh, sinh tâm làm lợi ích cho chúng sinh rồi, lại phát tâm không bao giờ bỏ chúng sinh. Nhân tâm làm lợi ích cho chúng sinh, tâm tự lợi lợi tha, mà diệt trừ được tâm chướng ngại, đạt tâm tịch tĩnh, không phiền não hay gần gũi bạn lành, thường sinh tâm cung kính, tâm ý chuyên chú nghe pháp, nhớ giữ không quên, tâm suy nghĩ về nghĩa lý vi diệu, tâm nghe ít mà hiểu nhiều, tâm không nguyện nghe nhiều mà không hiểu nghĩa. Kế tin tự tâm là Chân như thực tướng; tin tự tâm là Như thực tướng nghĩa. Khi đã tin tự tâm là Như thực tướng nghĩa, kế sinh tâm Như thuyết tu hành; do sinh tâm Như thuyết tu hành rồi, kế sinh tâm không thoái chuyển, do sinh tâm không thoái chuyển, nên đối với chúng sinh, liền sinh những tâm đối trị:

"Như tôi không muốn chết, tất cả ba cõi, hai mươi lăm nẻo sinh tử, loài có hình, không hình, loài bốn chân, nhiều chân, mãi đến loài bé nhỏ như loài kiến... phàm loài nào có tánh mạng đều không muốn chết như tôi." Cho nên Bồ-tát, dù phải tan thân mất mạng, trọn không cướp đoạt thân mạng của kẻ khác.

"Như tôi có tiền của, lụa là, y phục, chăn đệm, thức ăn uống, voi, ngựa, xe cộ, quốc thành, vợ con, thân thể tay chân, tôi thường cúng dường ủng hộ, nhưng tôi không muốn người khác xâm chiếm của tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế." Vì thế, Bồ-tát cho dù phải tan thân mất mạng, đối với y phục, của cải, thức ăn uống của chúng sinh,

trọn không sinh tâm cướp đoạt.

"Như tôi không muốn người khác dụ dỗ cướp đoạt chị em, thê thiếp có nhan sắc của tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", cho nên Bồ-tát dù phải tan thân mất mạng, quyết không sinh ý nghĩ tà vạy, khởi tâm nhiễm ô đối với sắc đẹp của kẻ khác, phương chi còn làm những sự phạm dâm gian ác.

"Như tôi không đối trước mặt thì khen ngợi, sau lưng thì chê bai, nói lưỡi đôi chiều, nói ác khẩu, để gia hại tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", cho nên nếu Bồ-tát phải tan thân mất mạng, cũng trọn không nói dối, nói lưỡi đôi chiều, gây sự rối loạn giữa kẻ kia người này.

"Như tôi không muốn bị roi gậy đánh đập tra khảo, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", vì thế Bồ-tát cho đến phải tan thân mất mạng, trọn không dùng roi gậy đánh đập chúng sinh.

"Như tôi không muốn bị những cảnh khổ não: gông cùm, xiềng xích, trói buộc, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", cho nên Bồ-tát cho đến phải tan thân mất mạng, cũng trọn không dùng gông cùm, xiềng xích để trói buộc chúng sinh.

"Như tôi không muốn người khác dùng sức mạnh uy thế, bức hiếp đè nén, không cho tôi được tự do trình bày sự thanh bạch của mình, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", vậy nên Bồ-tát dù phải tan thân mất mạng, trọn không đem những sự phi lý, để gia hại chúng sinh.

"Như tôi được người cúng dường tôn trọng tán thán, khiến tôi vui mừng, tôi cũng sẽ thường bố thí cho chúng sinh: y phục, thức ăn uống, đồ nằm ngồi, thuốc thang và tất cả những thứ làm cho chúng sinh được an vui. Nếu tôi làm đại sự, hoặc Phật sự, Pháp sự, Tăng sự, nếu vì trí lực có hạn, không làm thế nào khiến thành tựu được, sinh ra lo buồn khổ não, nếu người có trí thấy tôi như vậy, biết rằng vì tôi kém phúc đức, nên không thể khiến cho việc ấy thành tựu được, liền bảo tôi: 'Nếu ông cần dùng điều gì, tôi sẽ xin cung cấp, khiến ông được vừa lòng, để hoàn thành công việc ấy'. Tôi nghe lời nói đó thì lòng sinh vui mừng, cho nên tôi cũng sẽ thường khuyến hóa giúp đỡ mọi người làm việc thiện, lợi ích cho chúng sinh."

"Như tôi bị nhà vua, giặc cướp, nước, lửa, quan lại bức bách, trói buộc giam cầm, lòng sinh sầu não. Người có trí tuệ, thấy tôi gặp phải những sự khổ nạn như vậy, liền đến chỗ tôi, khéo léo khuyên nhủ: 'Ông không nên sầu khổ, tôi sẽ vì ông, xin với nhà vua, hay các quan đại thần, hoặc cung cấp của cải, hoặc dùng các phương tiện khác khiến cho ông được giải thoát, không phải chịu những sự khổ nạn, suy não đó nữa'. Tôi nghe lời nói ấy, lòng sinh vui mừng. Vì thế, tôi thường siêng năng học hỏi về các ngành nghề kỹ xảo, đủ các tài năng xuất chúng như: Âm nhạc, ca múa, thiên văn, địa lý, toán số, chú thuật, học thuốc, lái xe, cỡi voi, cỡi ngựa, biết sử dụng áo giáp; cung tên, xuất trận, nhập trận, võ công hiển hách. Vì tôi có những ngành nghề đủ loại như vậy, nên tất cả mọi người: hoặc vua, hoặc đại thần... không dám trái nghịch ý tôi và tôi lại có đủ mọi thứ của cải giàu sang như: y phục, thức ăn uống, vàng ngọc, vòng xuyến, ngọc lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, châu báu, mai khôi, ngọc Ma-ni, voi, ngựa, xe cộ, kiệu cáng, đứa ở tôi đòi, cung nhân mỹ nữ, suối chảy ao tắm, đài quán làm bằng bảy báu, thứ thứ vi diệu như vậy, vô lượng trăm ngàn."

Bồ-tát tuy có mọi thứ uy vũ, ngành nghề xuất chúng, trăm ngàn kho báu, voi ngựa xe cộ, vô lượng mỹ nữ, đài quán thắng diệu, suối chảy ao tắm, tất cả năm dục, xứng ý như vậy, nhưng tâm không hề tham đắm, mà thường ít dục biết đủ, ưa thích những chỗ

vắng lặng nơi núi rừng, tu tập thiền định, tuy cùng với chúng sinh, hòa quang đồng trần, có những tài sản xuất nhập, lợi tức sinh kế, nhưng trọn không làm điều gì ác, chỉ làm những việc lợi ích cho chúng sinh.

Nếu có người nghèo cùng khổ não, tới xin Bồ-tát những thứ cần dùng, Bồ-tát đều cung cấp khiến được thỏa mãn như ý muốn của họ.

Nếu Bồ-tát thấy có chúng sinh, ưa muốn cầu Phật pháp, lại tới chỗ Bồ-tát, thân cận cúng dường, cung phụng hầu hạ, như rửa chân, xoa bóp, giặt giũ, hong phơi, đưa cành dương, nước rửa, phất trần, trải giường tòa, cuốn gấp chăn gối, mỗi đêm ba thời, chập tối, giữa đêm, gần sáng, cung cấp đèn nến, bữa ăn sáng, trưa, chiều, dâng các món ăn như: Đát-bát-na, Bồ-xà-ni, Khư-đà-ni và các thứ nước uống như: nước hưng lợi sư, nước trái phức-lặc-xa, bồ đào, hắc thạch mật. Thừa sự như vậy, từ bảy ngày cho đến sáu mươi ba ngày, vì muốn cầu thỉnh Bồ-tát xin được nghe Phật pháp.

Bồ-tát bấy giờ, tuy thấy người ấy cung cấp như vậy, nhưng tâm vẫn không vui mừng. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ở trong thời gian lâu xa, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, dốc cầu Phật pháp là vì tất cả chúng sinh, với một bản hoài tối thượng: tâm không tăng giảm, tâm từ bi, tâm trụ nơi bình đẳng. Hoặc khi Bồ-tát làm Chuyển luân thánh vương, thường đem pháp mười nghiệp thiện, dạy bảo cho tất cả chúng sinh, ai nấy đều theo ý của Bồ-tát, hoan hỷ phụng hành, sau khi mệnh chung, được sinh lên cõi trời, hưởng thụ những an lạc nhiệm mầu của ngũ dục, tôn nghiêm cao quý, vừa tâm thích ý, đứng ngồi ở nơi Thiên cung, ngựa xe dạo chơi ở thượng uyển, kỹ nhạc hân hoan, ăn uống vui vẻ. Nhưng vô thường chợt tới, già bệnh chết chóc, khiến trai gái già trẻ, sầu khổ ão não, cất tiếng kêu gào, đập ngực, bứt tóc, ăn uống không biết ngon, tâm ý cuồng loạn, vất vả. Người chết được chở trên xe, họ hàng khóc lóc tiễn đưa, đến khi mai táng xong rồi, thân thuộc họ hàng dìu dắt nhau về nhà, vì quá đau xót sầu khổ, nên có người hoặc bị mang bệnh, hoặc sinh ra điên cuồng, hoặc có khi bị chết. Người sống đã bị tổn hại lớn như thế, mà người chết cũng không lợi ích gì.

Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương, cùng với những người tháp tùng đi tuần hành khắp trong quốc giới, xem thấy các chúng sinh, phải chịu những sự khổ não như vậy, trong lòng rất thương xót, thốt ra lời nói:

–Ta nay làm vua, cai trị quốc giới, tuy rằng đem pháp mười nghiệp thiện để nhiếp hóa tất cả chúng sinh, nên được hưởng những quả báo vi diệu của ngũ dục như vậy, nhưng vẫn không thoát khỏi được cảnh thống khổ về sinh, lão, bệnh, tử, vô thường hủy hoại, nên biết ta tuy dùng chánh pháp trị nước, cũng thành ra vô ích đối với mọi người, nếu như đã vô ích đối với mọi người như vậy, thì làm sao được gọi là Chuyển luân thánh vương? Làm sao được gọi là Đại từ phụ? Làm sao được gọi là Đại y vương? Làm sao được gọi là Đại đạo sư, vì đã là Đại đạo sư thì phải dẫn dắt chúng sinh đi theo con đường chân chánh, chỉ bày lối Niết-bàn giải thoát, khiến cho chúng sinh chứng được đạo Vô vi, thường được yên vui. Chúng ta ngày nay thực là danh chẳng xứng với hành.

Ví như có người bị khát nước gần chết, chạy khắp Đông, Tây, tìm cầu nước uống, xa xa trông thấy một cái giếng khô, lòng sinh ra vui mừng, rồi tự nghĩ: “Thân ta ngày nay tưởng chừng phải chết, mà được sống lại. Vì cớ sao? Nếu như không gặp được nước, thì quyết không lâu sẽ bị chết khát, nay gặp được một cái giếng tốt như thế này, ắt sẽ có kỳ vọng được nước trong mát để uống, khỏi phải chết khát.”

Nghĩ như vậy rồi, liền chạy đến bờ giếng, cởi bỏ áo, treo ở một chỗ, rồi xuống giếng lấy nước, nhưng không được nước, lại chỉ thấy những loài rắn độc, thạch sùng, bò

cạp, cuốn chiếu, sành sỏi, gai gốc và các thứ cỏ tạp.

Bấy giờ người khát nước kia trở nên thất vọng, đã không được nước uống, lại gặp nhằm những loài trùng độc phun nọc dữ, toan thoát ra khỏi giếng, nhưng vì bờ giếng lở nát, nên rớt xuống tới đáy, không khác nào ở trên núi cao trượt té xuống dưới đất. Giếng ấy sâu bằng một đường tên bắn, đã không có thang bậc, lại không có cả dây rợ gậy gộc, dầu có cố sức nhảy lên, cũng không thể lên nổi, kiệt cả hơi sức, rồi lại hoàn rớt xuống giếng, nên bị các loài rắn độc rỉa ăn, trong lúc tánh mệnh chưa đoạn tuyệt hẳn, liền nói:

–Nếu ta biết trước, giếng này không có nước, mắt còn không muốn nhìn thấy, huống là tới đây để lấy nước, ngày nay mắc phải khổ độc như thế, là tại cái giếng này làm ta bị lầm vậy.

Lúc ấy, Chuyển luân thánh vương thấy các hạng dân chúng, nhà cửa trai gái, ân ái chia ly, phải chịu khổ não, liền nói:

–Thân ta ngày nay, ví như giếng không có nước, tuy có cái tên gọi là giếng, nhưng không có nước. Ta tuy dùng chánh pháp trị nước, khiến cho muôn dân có chỗ hướng về, nhưng rốt cuộc cũng chẳng đem lại lợi ích cho ai, đến nỗi dân chúng phải tan thân mất mạng, khổ não như thế. Ta nay tuy ở ngôi Chuyển luân thánh vương, bảy báu đầy đủ, dùng pháp mười thiện dạy bảo, dùng chánh pháp trị nước, khiến cho các chúng sinh được sinh nơi cõi người, cõi trời, thọ hưởng năm dục, an lạc thắng diệu, nhưng vẫn không thoát khỏi được những cảnh sinh, già, bệnh, chết, ân ái phân ly, oán ghét gặp gỡ, đau thương khổ não, khóc lóc thảm thiết, là lỗi tại ta, chứ đâu phải là lỗi tại chúng sinh! Vì sao? Chánh vì ta không có pháp xuất thế gian, để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tuy chúng sinh theo ta hỏi han lãnh thọ pháp thiện, mong được yên vui, mà thực không thể vượt qua được bể khổ sinh tử.

Chuyển luân thánh vương lại tự nghĩ: Thân của ta đây, ngày nay ví như người không có trí tuệ, là người thí chủ đại ngu si. Khi ấy, người thí chủ gặp lúc trời làm đại hạn, bảy năm không mưa, cây cối bị khô héo hết, thời buổi đói kém, lúa gạo mắc mỏ, muôn dân đói khát, chỉ ăn rau thay cơm, uống máu ăn thịt, tàn hại nhau, nhưng sự thực thì đối với nhau họ có tội tình gì đâu! Hoặc đến nỗi cha ăn thịt con, hoặc con ăn thịt cha mẹ; anh em, vợ chồng con cái, ăn nuốt lẫn nhau.

Lúc đó, người Đại thí chủ dạo đi xem xét, trông thấy chúng sinh, đói khát tiều tụy, gầy còm run rẩy, thân thể đen xấu, trên vai của các người đó, hoặc thấy mang gánh thuần là xác người chết, hoặc là đầu, tay, lóng tay, bắp tay, xương sống, xương sườn, bả vai, đầu gối, ngón chân, hoặc gan, mật, ruột non, ruột già.

Đại thí chủ liền hỏi nhỏ:

–Những vật mà ông mang gánh đó là vật gì?

Người ấy đáp:

–Những vật mà tôi gánh thuần là đầu, tay, cánh tay, lóng đốt... của người chết.

Đại thí chủ hỏi:

–Ngươi gánh những thứ... của người chết ấy để làm gì?

Người ấy thưa:

–Ông không biết sao? Trời làm đại hạn, thời buổi đói kém, thóc gạo mắc mỏ, muôn loài đói khát, ăn nuốt lẫn nhau, những vật mà tôi gánh đó, chính là thức ăn của tôi đấy.

Bấy giờ, thí chủ nghe lời nói ấy rồi, trong lòng rất kinh hãi, dựng cả chân lông, ngã ngất ra đất, phải dùng nước lạnh rảy lên mặt, hồi lâu mới tỉnh. Rồi lại hỏi:

–Tuy nhiên, đó là thức ăn của ông, nhưng là thịt của ai vậy?

Người bị đói kia nghe lời hỏi ấy, liền cất tiếng òa khóc, đau đớn như đứt ruột, bảo với người thí chủ:

–Thực là đau đớn! Quái lạ thay! Quái lạ thay! Không biết nói sao cho xiết! Đại thí chủ! Tôi nay tình thực thưa cho ông được rõ: những thứ thịt người mà tôi gánh đó có thể nói hoặc là cha, mẹ, hoặc là vợ con, anh em hay là họ hàng cốt nhục.

Lúc đó, các người bị đói khát, ai nấy đều đem lòng thành thực tự nói nguyên nhân của những sự việc với Đại thí chủ, mà không có việc gì khác hơn là ngoài việc vì bị đói khát, cho nên họ mới phải ăn nuốt lẫn nhau như vậy.

Bấy giờ, Đại thí chủ nghe nói như thế, bùi ngùi than thở, bảo với mọi người:

–Các ngươi ngày nay không nên ăn thịt lẫn nhau, nếu cần dùng quần áo, thức ăn uống, thuốc thang... bảy ngày nữa, hãy tụ tập tất cả ở tại nhà ta, ta sẽ tùy theo sự cần dùng của các vị mà cấp cho tất cả mọi thứ như: quần áo, thức ăn uống, thuốc thang khi bệnh hoạn, thỏa mãn với ý muốn của mọi người.

Ai nấy nghe rồi, lòng sinh vui mừng, ca ngợi:

–Tốt lắm! Tốt lắm! Thực là một sự việc chưa từng có!

Khi ấy thí chủ, trở về tới nhà, gọi vợ con và tôi tớ, tất cả đều hội họp, rồi vị thí chủ ở trước đại chúng, nét mặt vui vẻ, nói lời dịu dàng, bảo ban vợ con và các tôi tớ, nên phải để lòng nghe mình nói:

–Các người có biết chăng! Hiện nay gặp lúc trời làm đại hạn, thời buổi đói kém, dân chúng chết chóc vô số, các người ở tại nhà này, kho tàng đầy dẫy, thóc gạo chứa chan, cần phải cùng nhau kịp thời gieo trồng ruộng phúc.

Vợ con nghe rồi cùng khen ngợi:

–Tốt lắm! Tốt lắm! Chúng tôi rất lấy làm sung sướng và xin vâng theo lời của thí chủ, thân mạng của chúng tôi đây còn chẳng tiếc, huống chi là kho tàng của cải, thức ăn uống.

Bấy giờ, thí chủ lòng sinh vui mừng, nói:

–Tốt lắm! Tốt lắm! Các ngươi thực là những người bạn đạo Vô thượng của ta! Các ngươi, mỗi người nên tự phân chia công việc tùy theo đó mà làm, nên làm ngay và làm mau, bảy ngày nữa quyết phải làm cho xong.

Lúc ấy thí chủ phân chia các công việc đã xong xuôi, liền đi ra ngoài, chốn chốn xem xét, với ý định tìm một khoảng đất nào bằng phẳng rộng rãi, để làm nơi lập hội đàn bố thí.

Sau khi đã tìm được chỗ đất thanh tịnh như ý muốn, ở đấy các thứ cát sỏi, gốc cây, gai gốc, đã được trừ sạch, các thứ giường tòa, chăn đệm trải bày la liệt, để làm chỗ cho đại chúng ngồi tươm tất. Năm trăm thớt voi, vận tải các thứ đồ ăn uống tới hội đàn bố thí. Các thứ đồ ăn uống ấy chất lên cao như núi, các thứ sữa, dầu mỡ, bánh thịt nhiều như nước ao, các thứ cỗ bàn yến tiệc, trăm vị đầy đủ và cả các thứ y phục, vòng ngọc, trâm xuyến, voi ngựa, bảy báu, không thiếu một thứ gì, đều được xếp đặt hết sức trang nghiêm, hoàn bị.

Sau bảy ngày, khi mặt trời vừa mọc, cùng suốt thời gian ấy, khua chuông đánh trống, thổi tù và, cao tiếng xướng:

–Tất cả đại chúng đều hội họp ở nơi hội đàn của Đại thí chủ đây.

Bấy giờ, mọi người nghe tiếng xướng ấy, lòng sinh vui mừng, khác nào như ngưỡng mộ Hiền thánh.

Sau khi nghe tiếng xướng ấy rồi, liền tìm đến đại hội đàn bố thí, tùy ý mà lấy: nào là y phục, chăn đệm, thức ăn uống, vòng ngọc, trâm xuyến, trăm thứ thuốc thang, voi ngựa, bảy báu, tùy theo sở thích, ai muốn lấy thứ gì thì tùy ý lựa chọn.

Đại thí chủ nhìn thấy mọi người đều đã lãnh hết các thứ của cải đem đi rồi, lòng ông rất vui mừng, liền trở về nhà, để cùng với vợ con thọ hưởng những sự sung sướng thỏa thích của cảnh ngũ dục.

Sau thời gian bố thí bảy ngày, bỗng nghe thấy người ngoài nói:

–Những người trước đây nhận các thứ y phục, chăn đệm, thức ăn uống của thí chủ ấy, đều bị trúng độc mà chết, hoặc giả có người nào chưa chết, họ đều nói: “Lạ thay! Lạ thay! Đại thí chủ ấy có lòng thương xót, cung cấp những thứ cần dùng cho mọi người nào y phục, chăn đệm, thức ăn uống, tuy nhiên hiện thời, đã được qua khỏi sự đói khát, tánh mạng được toàn vẹn, nhưng sau đó vài ngày, đều bị trúng độc mà chết hết cả.”

Đại thí chủ nghe thấy nói như vậy, sinh ra buồn bực áo não, hỏi vợ con:

–Tại sao các người, khi nấu nướng các thức ăn uống, lại để cho thuốc độc nhiễm vào trong thức ăn, làm cho mọi người ăn nhằm mà bị chết như thế?

Vợ con và các tôi tớ trong nhà đều thưa:

–Thưa không phải như vậy đâu.

–Nếu không như vậy, thì thuốc độc từ đâu mà có đây?

Tất cả đều đáp lại:

–Thưa chúng tôi không được rõ.

Khi ấy, thí chủ liền vào trong nhà, lần lượt đi kiểm tra lại, thì thấy có một cái giếng nước đậy nắp, liền hỏi mọi người:

–Đây là cái giếng gì đây?

Gia nhân đáp:

–Đây là cái giếng nước, trước đây khi thí chủ còn bé, thí chủ có nuôi ba con rắn độc ở trong đó, chính đây là chỗ ở của ba con rắn độc ấy, nên nước cũng là nước độc, nếu người nào uống lầm phải, đều bị chết mất mạng.

Thí chủ xem xét rồi, liền hỏi các người tôi tớ:

–Trước đây các ngươi có dùng nước nơi này để nấu thức ăn uống không?

Các người tôi tớ nói:

–Thưa vì công việc lúc ấy quá gấp rút, cho nên chúng tôi có gánh nước ở trong giếng này để nấu thức ăn và dùng làm nước uống.

Đại thí chủ nói:

–Lạ thay! Lạ thay! Ta thực là những kẻ ngu si không có trí tuệ, tại sao ta lại nuôi những loài rắn độc ở trong cái giếng này, để gây thành tai họa như thế?

Rồi ông bảo cùng vợ con:

–Phải lấp ngay cái giếng này đi và ba con rắn độc ở trong đó, các ngươi sẽ vì ta, lấy lửa đốt chúng cho chết hết, để tránh những tai họa về sau này.

Thí chủ đã diệt trừ hết những thứ độc hại ở nơi giếng xong rồi, ông liền ra ngoài quan sát, thấy những người lãnh nhận sự bố thí của ông, đều đồng thanh nói:

–Ông thí chủ này đã cho chúng tôi thuốc độc, khiến chúng tôi có người đến nỗi phải tan thân mất mạng, nếu như chúng tôi biết trước trong những món ăn có chất độc như thế, quyết sẽ không bao giờ dám ăn cả.

Vị Đại thí chủ kia, nghe mọi người nói như thế, trong lòng vô cùng áo não.

Cũng vậy, Chuyển luân thánh vương, tuy dùng mười điều thiện để dạy bảo, khiến

cho chúng sinh, được sinh nơi cõi người, cõi trời, dẫu được thọ hưởng năm thứ dục lạc thắng diệu, sung sướng hết mực, nhưng vẫn chưa thoát khỏi được cảnh sinh, già, bệnh chết.

Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương liền phát nguyện:

–Ta nay quyết phải cầu Phật pháp vô thượng, là pháp xuất thế gian, khiến cho các chúng sinh, tán thán đọc tụng tu tập, để được xa lìa sinh tử, đạt đến cảnh Niết-bàn, giải thoát yên vui.

Lúc đó, Chuyển luân thánh vương, vì dốc cầu Phật pháp liền cho truyền lệnh khắp cõi Diêm-phù-đề: Ai hiểu biết Phật pháp thì Đại Chuyển luân thánh vương xin cầu được học tập.

Nhưng tất cả những nơi được lệnh của vua truyền đó đều nói là không có ai cả.

Cuối cùng đến một nước nhỏ kia, có một người Bà-la-môn, là người hiểu biết Phật pháp. Khi đó, sứ giả liền đi ngay tới chỗ vị Bà-la-môn kia, hỏi:

–Đại đức có hiểu biết về Phật pháp chăng?

Đáp:

–Hiểu!

Sứ giả nghe đáp thế thì đầu mặt lễ xuống chân, thưa cùng với Đại sư:

–Đại Chuyển luân thánh vương muốn thỉnh Đại sư chỉ dạy về Phật pháp cho nhà vua. Kính xin Đại sư thương xót nhận lời, tới chỗ Chuyển luân thánh vương kia để truyền dạy.

Khi đó Chuyển luân thánh vương liền ra ngoài hoàng thành để nghinh đón, đầu mặt lễ xuống chân, hỏi han Đại sư đi đường có mệt nhọc lắm không? Rồi mới mời vào trong cung, ở trên chánh điện, Vua mời Đại sư ngồi nơi ngự tòa của mình.

Người Bà-la-môn liền lên ngự tòa, ngồi kiết già.

Đại vương thấy Đại sư đã ngồi xong và những thứ cần dùng đã được cung cấp đâu vào đấy rồi, vua chắp tay hướng về người Bà-la-môn, thưa:

–Thưa Đại sư, ngài có hiểu biết về Phật pháp không?

Người Bà-la-môn đáp:

–Ta hiểu biết Phật pháp.

Đại vương thưa:

–Thưa Đại sư, xin người hãy vì tôi giải nói Phật pháp.

Người Bà-la-môn nói:

–Vua là người rất ngu si! Trước đây cầu học Phật pháp, ta đã phải chịu không biết bao nhiêu là sự cần khổ mới thành được. Nay đại vương đâu có thể nào lại muốn nghe một cách dễ dàng như thế?

Đại vương thưa:

–Vậy Đại sư muốn cần dùng những vật gì?

Người Bà-la-môn nói:

–Đại vương phải cúng dường cho ta.

Vua nói:

–Chẳng hay những thứ cúng dường ấy là những vật gì? Y phục, chăn đệm, thức ăn uống hay vàng bạc, châu báu?

Người Bà-la-môn đáp:

–Ta không dùng những thứ cúng dường ấy.

Vua hỏi:

–Nếu Đại sư không dùng những thứ cúng dường như thế, hay là Đại sư cần dùng voi, ngựa, xe cộ? Nước, thành, vợ con? Hay âm nhạc, ca hát?

Người Bà-la-môn nói:

–Ta cũng không dùng những thứ cúng dường như vậy, mà ta chỉ muốn nhà vua khoét trên thân thể của mình thành một ngàn cái lỗ, rồi đổ dầu đốt làm đèn đuốc để cúng dường cho ta, thì ta sẽ giảng nói Phật pháp cho, nếu không làm được như thế, ta sẽ bỏ đi ngay.

Vua chưa kịp trả lời, thì người Bà-la-môn đã bước ra khỏi tòa ngồi, toan bỏ đi.

Đại vương liền giữ lại và thưa:

–Xin Đại sư hãy vui lòng ở lại đây trong giây lát, nay tôi vì trí tuệ nông cạn, công đức mỏng manh, xin cho tôi được suy nghĩ trong giây lát, tôi sẽ vâng lời cúng dường như lời Đại sư đã dạy.

Chuyển luân thánh vương liền tự suy nghĩ:

–Ta từ đời vô thỉ lại đây, đã bỏ vô số thân mạng, nhưng chưa từng có lần nào vì pháp bỏ mình. Thân này của ta rồi một ngày kia cũng sẽ phải hoại diệt, đâu có thể còn mãi được, ngày nay chính là lúc ta cần phải đem thân mạng này để cúng dường nhằm cầu pháp.

Suy nghĩ như thế rồi, vua liền thưa Đại sư:

–Thưa Đại sư, tôi sẽ xin làm ngay việc cúng dường như lời đã dạy bảo.

Lúc ấy, đại vương liền vào trong cung, bảo với các phu nhân:

–Kể từ đây ta sẽ vĩnh biệt các phu nhân!

Các phu nhân nghe vua nói như thế, trong lòng rất kinh hãi, dựng cả chân lông, mà chẳng biết nguyên do tại sao lại có sự tình như thế! Các phu nhân nhỏ nhẹ nói với vua:

–Vua định sẽ đi đâu?

Vua nói:

–Thân ta ngày nay, ta muốn sẽ khoét làm một ngàn ngọn đèn để cúng dường Đại sư.

Các phu nhân nghe vua nói như vậy liền vật vã ra đất, cất tiếng kêu gào, mê mẩn, hồi lâu mới tỉnh, rồi tâu với vua:

–Tâu đại vương, ở đời không gì quý trọng bằng thân mạng, người ta cung phụng nuông chiều nó, tùy thời dưỡng, mà còn e chưa được hài lòng, nay vì lẽ gì mà vua lại hủy hoại ngọc thể như vậy? Vua là bậc trí tuệ mà in tuồng như kẻ điên rồ, lại như có ma quỷ gì ám hại?

Vua nói:

–Không phải như vậy đâu!

–Nếu không phải như vậy thì sao vua lại chuốc lấy những sự khổ não như thế, để cúng dường người Bà-la-môn?

Vua bảo các phu nhân:

–Nay ta sở dĩ làm như thế là muốn vì tất cả chúng sinh mà cầu Phật pháp.

Các phu nhân nói:

–Nếu vua nói là vì tất cả chúng sinh, ngày nay tại sao lại chỉ thấy có mỗi một mình đại vương xả bỏ thân mạng?

Vua bảo các phu nhân:

–Thiên hạ ân ái đều sẽ phải biệt ly, vì thế ta nay đem thân mạng này để cúng dường, là ta muốn vì các người và tất cả chúng sinh ở trong nhà tối, đốt lên một ngọn

đèn lớn trí tuệ, soi sáng giữa đêm trường sinh tử, vô minh tối tăm cho các người, khiến cho các người dứt trừ được cái họa khổ về sinh tử trong nhiều đời nhiều kiếp, vượt qua mọi chướng nạn, đến được cảnh Niết-bàn an lạc. Các người tại sao lại làm trái ngược với ý định của ta?

Lúc ấy, các phu nhân nghe vua nói rồi, đều lặng thinh không dám đối đáp nữa, mà trong lòng thì rất sầu não, cất tiếng gào khóc, nức nở, tự bứt tóc, cào mặt, lại nói:

–Đám chúng ta vì ít phúc, cho nên nay mất chỗ nương cậy.

Vua có năm trăm thái tử, thảy đều đoan nghiêm, đẹp đẽ, thông minh, trí tuệ, nhân tướng đầy đủ, nên được vua rất yêu quý, chẳng khác nào con ngươi nơi mắt.

Bấy giờ, đại vương bảo các con:

–Ngày nay ta muốn làm việc cúng dường, ta e thân mạng này của ta không biết có qua khỏi được chăng, hay sẽ phải cách biệt các con, nếu thế thì cõi nước này, theo vương pháp, việc trị nước đã sẽ trao cho người con lớn nhất của ta.

Các thái tử nghe vua cha nói như thế, thì cả tứ chi, gân cốt, mạch máu như muốn bứt ra, giống như người bị nghẹn không thể nuốt vào, lại chẳng thể khạc ra, rất đau đớn, nghẹn ngào tâu vua:

–Vua cha ngày nay sao lại nỡ bỏ chúng con bị côi cút?

Các thái tử nói thế rồi, người thì ôm lấy cổ của vua cha, hoặc cầm lấy tay chân, cất tiếng khóc lóc bi thảm:

–Lạ thay! Lạ thay! Làm sao ngày nay chúng tôi lại bị mất sự che chở vĩnh viễn như thế này!

Đại vương liền khuyên bảo các con:

–Thiên hạ ân ái đều phải có lúc ly biệt.

Các con tâu vua cha:

–Thưa cha, tuy cha dạy bảo như vậy, nhưng vì tâm tình luyến mộ cha, chúng con làm sao có thể bỏ được! Đại vương ngày nay xin ban cho chúng con một điều sở nguyện là: chúng con xin đem thân mạng này dâng lên đại vương, để đại vương cúng dường cho người Bà-la-môn.

Vua nói:

–Các con còn trẻ, chưa thể biết được, chưa thể làm được những sự cúng dường ấy, như ta ngày nay đã thỉnh Đại sư từ phương xa tới đây, ta đã hứa cúng dường người, các con không được làm trái lời của ta. Phàm là người con có hiếu, tất nhiên không được làm trái ý của cha mẹ, tại sao ngày nay các con lại trái ý ta?

Các thái tử nghe lời đó rồi, đều cất tiếng kêu gào, kinh động cả đến các vị thần kỳ và gieo mình xuống đất như núi Thái nghiêng đổ.

Bấy giờ, đại vương lại từ biệt tất cả các vua nơi các tiểu quốc, rồi trở lại cung, đến trước chỗ Đại sư, cởi bỏ các thứ chuỗi ngọc, y phục trang sức trên mình, để ở một chỗ, ngồi ngay ngắn xong xuôi, rồi bảo các đại thần, các tiểu quốc vương, năm trăm thái tử, hai vạn phu nhân:

–Các người hôm nay, ai sẽ vì ta mà khoét một ngàn lỗ ở nơi thân thể của ta?

Phu nhân, thái tử và quần thần, đều đồng tâm thưa:

–Thà lấy dao sắc, tự khoét hai mắt mình, chứ trọn không thể lấy tay mình khoét thân thể của vua được.

Đại vương nghe thế, tâm sinh sầu não, tự nghĩ mình ngày nay thực là cô độc, trong số đông đảo này, không một người nào có thể giúp đỡ cho mình được sao?

Bấy giờ, có một người Chiên-đà-la, tánh tình rất hung ác, ai cũng sợ hãi, nhân nghe thấy tiếng liền đi tới chỗ vua, bảo với thái tử:

–Đừng nên lo buồn làm chi, tôi nay có cách làm cho sự việc của vua không thể thành tựu được. Việc ấy khi đã không thể thành tựu, tất nhiên vua sẽ lại cai trị đất nước như trước đây, không khác.

Các thái tử nghe nói như thế đều sinh lòng vui mừng.

Người Chiên-đà-la bèn đi đến chỗ vua, tâu với đại vương:

–Đại vương hôm nay định làm gì vậy?

Vua nói:

–Ta định khoét mình làm một ngàn ngọn đèn, để cúng dường cho bậc Đại sư.

Người Chiên-đà-la tâu:

–Đại vương muốn khoét mình, tôi có thể vì đại vương mà làm được.

Vua nghe nói, lòng rất vui mừng, bảo người Chiên-đà-la:

–Nhà ngươi thực là người bạn đạo Vô thượng của ta.

Lúc ấy, người Chiên-đà-la liền sấn đến chỗ vua, với dáng điệu quát tháo dữ tợn, nói lớn:

–Đại vương nên biết, cái phép giết người, phải chém đầu, cắt cổ, chặt tay, chặt chân, cắt gân, đau đớn như thế, đại vương có thể kham chịu được không?

Vua nghe lời nói ấy, lòng đầy vui mừng.

Người Chiên-đà-la, tay cầm con dao lưỡi trâu, tới nơi thân thể của vua, trong khoảng chớp mắt đã khoét thành một ngàn lỗ.

Khi đó, người Chiên-đà-la tưởng vua thoái tâm, nhưng thực ra thì vua rất bình tĩnh.

Người Chiên-đà-la thi hành xong, liền quăng con dao xuống đất, rồi mà bỏ chạy đi nơi khác.

Bấy giờ, đại vương nơi các lỗ bị khoét đã đổ dầu, dùng lụa làm bấc để đốt đèn.

Đại sư Bà-la-môn trông thấy nhà vua làm việc ấy rồi, liền tự nghĩ: “Ta nay phải nên trước vì đại vương tuyên nói Phật pháp. Vì sao? Đại vương ngày nay, đã đốt mình làm đèn, e tánh mạng khó qua được, nếu như tánh mạng không qua được, thì ai sẽ nghe pháp?”

Suy nghĩ như vậy, liền tâu với vua:

–Tinh tấn dũng mãnh làm được những việc khó làm, tu hành khổ hạnh như thế, là vì muốn được nghe Phật pháp. Giờ đây đại vương hãy nghe cho kỹ, nhớ nghĩ cho khéo, nay tôi sẽ vì đại vương tuyên nói Phật pháp.

Vua nghe lời nói ấy, lòng rất vui mừng, ví như người con hiếu thảo vừa mới mất cha mẹ, trong lòng rất sầu não, không biết nói sao cho xiết, nhưng bỗng thấy cha mẹ sống lại, nên lòng rất vui mừng. Vua nghe lời nói vừa rồi, cũng lại như thế.

Lúc ấy người Bà-la-môn liền vì nhà vua mà nói một nửa bài kệ:

Các pháp hưng, suy,
Sinh tất có diệt.
Tịch diệt là vui.

Vua nghe pháp ấy rồi, trong lòng rất vui mừng, bảo các thái tử và đám đại thần:

–Các người đối với ta, nếu ai có lòng thương yêu, nên phải vì ta, nhớ giữ gìn pháp ấy, ở khắp tất cả thành ấp thôn xóm, cho đến hang cùng ngõ hẻm, truyền nói ưu mệnh của vua: “Mọi người nên biết, Đại Chuyển luân thánh vương nhận thấy muôn dân và tất cả chúng sinh phải chìm đắm trong bể khổ, chưa được giải thoát, nên ngài sinh tâm

thương xót, khoét mình làm một ngàn ngọn đèn để cầu một nửa bài kệ. Các ngươi ngày nay, nếu ai cảm ân đức đại từ bi của đại vương, nên hãy viết chép bài kệ ấy, hoặc đọc tụng, tu tập, suy nghĩ đúng nghĩa lý, theo như lời dạy tu hành".

Mọi người nghe lời nói ấy rồi, tâm sinh vui mừng, đồng thanh khen ngợi đại vương:

–Lành thay! Lành thay! Thực là bậc cha lành rộng lòng Từ bi, vì các chúng sinh tu khổ hạnh như thế, chúng ta phải nên chóng tới biên chép, hoặc trên giấy, hoặc trên vải, hoặc khắc trên đá, hoặc trên cây cối, sành sỏi cỏ lá, khe suối, đường lối và những chỗ nhiều người qua lại, cũng đều viết chép, khiến cho người nào được trông thấy, nghe thấy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ đại vương liền đốt một ngàn ngọn đèn, cúng dường Đại sư, ánh sáng chiếu xa, khắp mười phương thế giới, trong ánh sáng của những ngọn đèn ấy, cũng phát ra tiếng truyền nói nửa bài kệ. Những người nghe pháp đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ánh sáng của một ngàn ngọn đèn ấy còn chiếu tỏa lên mãi tới cung trời Đao-lợi, làm át cả ánh sáng của chư Thiên.

Lúc ấy vua cõi trời Đao-lợi, thấy ánh sáng tỏa chiếu khắp Thiên cung, liền nghĩ: "Không biết vì nhân duyên gì mà lại có ánh sáng ấy?" Nghĩ vậy rồi, liền dùng Thiên nhãn xem xét nơi nhân gian, thì thấy vua Đại Chuyển luân, vì thương xót tất cả chúng sinh mà khoét mình thành một ngàn ngọn đèn, cúng dường Đại sư, để cầu Phật pháp, cứu độ cho tất cả muôn loài. Thiên vương suy nghĩ: "Chúng ta hôm nay phải đến nơi nhân gian để khuyến khích giúp đỡ, khiến cho nhà vua sinh tâm vui mừng."

Vua cõi trời Đao-lợi liền hiện xuống nhân gian, hóa làm người phàm, đi đến chỗ vua Đại Chuyển luân, hỏi nhà vua:

–Đại vương khoét mình thành một ngàn ngọn đèn, tu khổ hạnh như thế, mong cầu một nửa bài kệ để làm gì vậy?

Vua đáp:

–Thiện nam tử, ta vì tất cả chúng sinh nên nay phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, người biến hóa kia liền trở lại thân của Thiên đế Thích, với ánh sáng rực rỡ oai nghiêm, bảo với nhà vua:

–Đại vương cúng dường như vậy là để cầu làm Thiên vương, Ma vương hay Phạm vương?

Chuyển luân thánh vương liền bảo Thiên đế Thích:

–Tôi không cầu sự tôn quý ở cõi Trời hay cõi Người, mà chỉ muốn cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để cứu độ cho tất cả chúng sinh. Người chưa được yên ổn sẽ khiến được yên ổn, người chưa được giải thoát sẽ khiến được giải thoát, người chưa được độ sẽ khiến được độ, người chưa đắc đạo sẽ khiến cho được đắc đạo.

Thiên đế Thích nói:

–Đại vương ngày nay thật là ngu si! Cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải khổ công siêng năng tu tập lâu dài mới thành tựu được, như vậy làm sao mà nhà vua có thể cầu đạo Vô thượng được?

Vua bảo Thiên đế Thích:

–Giả sử vòng sắt nóng quấn chặt lấy đầu tôi, tôi trọn không vì thế mà thoái tâm Bồ-đề.

Thiên đế Thích nói:

–Đại vương dẫu nói như vậy nhưng tôi vẫn chưa có thể tin được.

Khi ấy, Chuyển luân thánh vương liền ở trước Thiên đế Thích lập thệ nguyện:

–Nếu tôi không thực lòng cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để cứu độ chúng sinh, mà nói dối với Thiên đế Thích, thì một ngàn lỗ khoét trên thân thể này của tôi trọn không bao giờ lành, trái lại, nếu không như vậy, máu sẽ thành sữa và một ngàn lỗ ấy sẽ bình phục như cũ.

Vua vừa nói lời ấy xong, tức thì một ngàn lỗ trên thân thể của vua liền được bình phục như cũ.

Thiên đế Thích nói:

–Lành thay! Đại vương quả thực là người có lòng đại bi và thực hành đại bi, tinh tấn khổ hạnh, như vậy quyết không bao lâu sẽ chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi thành Chánh giác rồi, xin ngài độ cho tôi trước.

Lúc ấy, Thiên đế Thích bèn phóng ánh sáng, chiếu khắp toàn thân của vua, đồng thời trăm ngàn chư Thiên cùng lúc đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Năm trăm thái tử thấy thân thể của vua cha được bình phục như cũ, lòng rất vui mừng, liền ra trước vua, đầu mặt lễ sát xuống chân, rồi lui ra ngồi qua một phía, chắp tay hướng về vua cha, đồng thanh nói:

–Thực chưa từng có! Vua cha ngày nay thực là người có lòng Từ bi, thương xót tất cả.

Vua bảo các thái tử:

–Nếu các con là người có hiếu thì phải nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các thái tử nghe lời nói ấy xong, lòng sinh vui mừng, vì cảm ân đức trọng đại của vua cha, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hai vạn phu nhân, trăm ngàn thể nữ cũng lại như thế.

Bấy giờ trong muôn dân, có những chúng sinh nhiều bằng số hạt cát của bảy mươi sông Hằng, đều phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, lại có vô lượng chư Thiên, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la già, Nhân và Phi nhân... được trông thấy và nghe thấy sự việc ấy, đều phát đạo tâm, rồi hoan hỷ lui ra.

M

Phẩm 4: PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ

Bấy giờ trong chúng hội, có một vị Đại Bồ-tát Ma-ha-tát, tên là Hỷ Vương, liền từ tòa ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ xuống đất, chắp tay ngưỡng bạch Đức Như Lai:

–Bồ-tát phải tri ân, báo ân như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Hỷ Vương:

–Thiện nam tử, ông hãy nghe cho kỹ: Bồ-tát muốn tri ân báo ân nên phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và chỉ dạy cho tất cả chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Hỷ Vương hỏi:

–Nếu phát tâm Bồ-đề, sẽ phải phát như thế nào? Và nhân đâu mà có thể phát được?

Phật nói:

–Thiện nam tử, Bồ-tát Ma-ha-tát, khi mới phát tâm Bồ-đề phải lập đại nguyện và nói như thế này: "Nếu khi tôi chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tôi sẽ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh được an trụ trong cảnh đại Niết-bàn, lại sẽ giáo hóa tất cả chúng sinh, thảy đều đủ Bát-nhã ba-la-mật." Như thế gọi là tự lợi cũng gọi là lợi tha.

Cho nên Bồ-tát khi mới phát tâm Bồ-đề, thời được gọi là Bồ-đề nhân duyên, chúng sinh nhân duyên, chánh nghĩa nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp nhân duyên, thâu nhiếp tất cả cội gốc của pháp thiện.

Vì thế Bồ-tát được gọi là bậc Đại thiện, cũng gọi là cội gốc lành của tất cả chúng sinh, do vậy mà Bồ-tát có thể phá trừ ba nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý... cho tất cả chúng sinh. Tất cả những thệ nguyện của thế gian, tất cả thệ nguyện của xuất thế gian, không có thệ nguyện nào bằng được thệ nguyện thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thệ nguyện như thế, thực không gì hơn, không gì trên được nữa.

Bồ-tát khi mới phát tâm Bồ-đề, có năm việc: Một là tánh, hai là hạnh, ba là cảnh giới, bốn là công đức, năm là tăng trưởng. Bồ-tát nếu có thể phát tâm Bồ-đề, thì được gọi là Đại Bồ-tát, quyết định sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hạnh Đại thừa. Cho nên khi mới phát tâm Bồ-đề, tức có khả năng thâu nhiếp được tất cả pháp thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, tu hành mong đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không phát tâm quyết không thể nào thành được, cho nên phát tâm là cội gốc của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy chúng sinh phải chịu những sự khổ não thì lòng sinh thương xót, nên Bồ-tát, nhân tâm từ bi mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhân phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà hay tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp, chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên phát tâm là cội gốc của đạo quả Vô thượng Bồ-đề, mới có thể hành trì được Bồ-tát giới. Cho nên phát tâm gọi là gốc, gọi là nhân, gọi là cành, gọi là lá, cũng gọi là hoa, lần lượt gọi là quả, cũng gọi là hạt. Bồ-tát phát tâm, cũng có người được rốt ráo, người không được rốt ráo. Người được rốt ráo thì mãi mãi cho đến khi chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không bao giờ thoái chuyển. Còn người không được rốt ráo, là trong tâm đã có sự thoái chuyển. Thoái chuyển có hai thứ: một là thoái chuyển hoàn toàn, hai là thoái chuyển không hoàn toàn. Người thoái chuyển hoàn toàn, là người trọn không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thể suy tìm, tu tập pháp đó được. Người thoái chuyển không hoàn toàn, là người thường cầu phát tâm Bồ-đề, thường tu tập pháp đó.

Phát tâm Bồ-đề có bốn thứ:

Một là, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, hoặc được xem thấy, nghe thấy những việc bất khả tư nghị của chư Phật, Bồ-tát liền sinh tâm cung kính và nghĩ: "Những sự việc của Phật, Bồ-tát là bất khả tư nghị. Nếu Phật, Bồ-tát chứng được sự bất khả tư nghị ấy, thì ta đây cũng quyết sẽ chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên ta dốc lòng nhớ nghĩ đạo Bồ-đề và phát tâm Vô thượng Bồ-đề".

Hai là, lại có người không được thấy những sự việc bất khả tư nghị của chư Phật, Bồ-tát, mà chỉ nghe thấy về tạng bí mật của chư Phật, Bồ-tát liền sinh tâm cung kính, tin

tưởng, dốc cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Ma-ha Bát-nhã, cho nên phát tâm Bồ-đề.

Ba là, lại có người không được trông thấy những việc bất tư nghị của chư Phật, Bồ-tát, cũng không được nghe Pháp, mà do vì khi thấy Pháp bị diệt trong lòng nghĩ: "Phật pháp vô thượng có thể diệt trừ được vô lượng khổ não cho chúng sinh, làm ích lợi lớn lao cho muôn loài, chỉ có chư Phật, Bồ-tát mới hay làm cho Phật pháp được trường tồn bất diệt, ta ngày nay cũng phải nên phát tâm Bồ-đề, khiến cho các chúng sinh, xa lìa phiền não, thệ nguyện thân này của ta, dầu phải chịu mọi sự khổ não bức hại nào đi chăng nữa, ta quyết giữ gìn Phật pháp, khiến Phật pháp được trường tồn ở thế gian, cho nên ta phát tâm Bồ-đề".

Bốn là, lại có người không được thấy chư Phật, Bồ-tát, không được nghe Pháp, khi Pháp diệt cũng không được thấy, mà chỉ thấy tất cả chúng sinh ở trong đời ác trược, đủ mọi thứ phiền não, tham dục, giận tức, ngu si, không thẹn, không hổ, bỏn sẻn, ganh ghét, nghi ngờ, lưỡi biếng, tà kiến chẳng có lòng tin... Thấy như thế rồi, liền nghĩ: "Trong đời ác trược này, chúng sinh chẳng chịu tu thiện, tâm Nhị thừa còn không phát, huống hồ là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Ta nay phải nên phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi, liền chỉ dạy cho tất cả chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Bấy giờ Bồ-tát Hỷ Vương lại bạch Phật:

–Lạy Đức Thế Tôn, Bồ-tát tri ân, báo ân bằng cách tự phát tâm Bồ-đề và dạy bảo cho tất cả chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề. Song Đức Như Lai thuở xưa khi còn phải sinh tử, thoạt đầu mới phát tâm Bồ-đề là do nguyên nhân gì?

Phật dạy:

–Thiện nam tử, về đời quá khứ lâu xa, kiếp số nhiều không thể tính được, khi Ta còn ở trong vòng sinh tử, do phiền não sâu dày, tạo nên những nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý, nên phải đọa lạc vào tám địa ngục lớn: Địa ngục A-ha-ha, địa ngục A-bà-bà, địa ngục A-đạt-đa, địa ngục Đồng phủ, địa ngục Đại đồng phủ, địa ngục Hắc thạch, địa ngục Đại hắc thạch, cho đến địa ngục Hỏa xa. Ta nhớ khi Ta phải bị đọa vào địa ngục Hỏa xa, Ta cùng với hai người bạn phải kéo một cái xe lửa, bốc cháy ngùn ngụt, quỷ đầu trâu tên là A-bàng ngồi ở trên xe, mắm miệng, nghiến răng, trợn mắt; miệng, mắt, tai, mũi đều phun ra khói lửa, thân thể to lớn, tay chân gân guốc, hình sắc đen tía, tay cầm gậy sắt, luôn luôn đánh đập. Mặc dầu Ta bị đánh đập đau đớn, nhưng vẫn cố sức kéo. Lúc đó hai người bạn của Ta, vì hơi sức yếu đuối, kéo không nổi, nên bị quỷ đầu trâu A-bàng lấy đinh ba bằng sắt, đâm vào bụng, lấy gậy bằng sắt đập vào lưng, máu phun ra như suối chảy, đau đớn khó nhẫn, những người ấy cất tiếng kêu gào rất thảm thiết, người thì kêu cha mẹ, người thì kêu vợ con. Nhưng dầu có kêu gào như thế, cũng chẳng có ích lợi gì với mình. Lúc ấy, Ta thấy những người bạn của Ta chịu sự khổ não như vậy, lòng sinh thương xót. Nhân lòng sinh tưởng thương xót ấy, cho nên Ta phát tâm Bồ-đề, vì những người chịu tội đó, mà khuyên bảo quỷ đầu trâu A-bàng:

–Những người phải chịu tội đây, thực đáng thương xót, xin ông hãy rủ lòng nới tay, đừng nên đánh đập họ tội nghiệp.

Lúc ấy, quỷ đầu trâu A-bàng nghe Ta nói như thế, lòng sinh giận tức, dùng đinh ba bằng sắt đâm vào cổ Ta, chết liền tại chỗ. Ta liền được thoát khỏi cái tội trăm kiếp phải đọa lạc nơi địa ngục Hỏa xa, chính vì lúc đó Ta phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vậy.

Phật bảo Bồ-tát Hỷ vương:

–Người kéo xe lửa tức là thân Ta ngày nay, nhân phát tâm Bồ-đề, mà chóng được thành Phật. Thế nên biết: tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, sự đó chẳng phải một, hoặc nhân lòng Từ bi, hoặc nhân lòng giận tức, hoặc nhân lòng bố thí, hoặc nhân lòng bỏn sẻn, hoặc nhân lòng vui mừng, hoặc nhân phiền não, hoặc nhân ân ái ly biệt, hoặc nhân sự oán ghét gặp gỡ, hoặc nhân gần gũi bạn lành, hoặc nhân nơi bạn ác, hoặc nhân được thấy Phật, hoặc nhân được nghe pháp..., cho nên biết: tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, mỗi mỗi chẳng phải đồng nhất.

Hỷ Vương nên biết! Bồ-tát Ma-ha-tát tri ân báo ân, sự đó là như thế.

Khi Phật nói pháp ấy rồi, có một vạn tám ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong tất cả đại chúng, có người được chứng quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, Thiên địa quỷ thần, Nhân và Phi nhân cũng phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Sau khi được nghe Phật nói Pháp, ai nấy đều vui mừng, đầu mặt làm lễ Phật, rồi cung kính nhiễu quanh theo phía bên phải và lui ra.

❑